

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (DANH SÁCH 1)
(Xét đợt Tháng 02/2023)

(Đính kèm Quyết định số 750/QĐ-BVU ngày 18 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình	
						Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi		
Khoa Du lịch - Sức khỏe																			
1	16031482	Võ Thị Kim	Phượng	Nữ	11/12/1996	DH16DL3	6.50	HK 2 [2016-2017]	6.30	HK 2 [2017-2018]	5.20	HK 3 [2017-2018]	6.40	HK 1 [2018-2019]	6.40	HK 1 [2022-2023]	5.70	HK 3 [2018-2019]	6.1
2	18033017	Vũ Ngọc Quỳnh	Vy	Nữ	16/01/2000	DH18DL1	4.20	HK 2 [2018-2019]	7.80	HK 1 [2022-2023]	4.20	HK 2 [2021-2022]	6.50	HK 1 [2022-2023]	8.30	HK 1 [2022-2023]	7.50	HK 1 [2022-2023]	6.4
3	18033932	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	01/10/2000	DH18DL2	6.50	HK 2 [2021-2022]	7.30	HK 1 [2022-2023]	6.70	HK 1 [2022-2023]	5.00	HK 1 [2022-2023]	6.20	HK 1 [2022-2023]	6.00	HK 1 [2022-2023]	6.3
4	18033817	Trương Phúc	Tường	Nam	21/06/2000	DH18DL2	6.60	HK 2 [2020-2021]	6.80	HK 1 [2022-2023]	7.60	HK 1 [2021-2022]	5.00	HK 2 [2021-2022]	5.70	HK 3 [2021-2022]	8.20	HK 1 [2022-2023]	6.7
5	18033134	Nguyễn Ngọc Thành	Long	Nam	12/06/2000	DH18LH	5.30	HK 2 [2018-2019]	6.90	HK 3 [2018-2019]	8.20	HK 1 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	8.20	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2022-2023]	7.4
6	18033686	Võ Hoàng	Thanh	Nữ	15/05/1999	DH18LH	7.30	HK 1 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2021-2022]	7.00	HK 3 [2021-2022]	7.50	HK 1 [2022-2023]	7.2
Khoa Kinh tế - Luật																			
7	17032397	Văn Thị Ngọc	Hiệp	Nữ	02/07/1999	DH17KT	6.20	HK 1 [2017-2018]	9.00	HK 1 [2022-2023]	7.10	HK 1 [2018-2019]	7.20	HK 1 [2018-2019]	6.60	HK 2 [2018-2019]	6.50	HK 3 [2018-2019]	7.1
8	16031454	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	17/02/1998	DH18DN	8.00	HK 2 [2016-2017]	8.20	HK 3 [2019-2020]	7.70	HK 3 [2019-2020]	5.80	HK 1 [2020-2021]	6.40	HK 3 [2020-2021]	5.30	HK 1 [2022-2023]	6.9
9	18032931	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	Nữ	10/05/2000	DH18DN	5.80	HK 2 [2021-2022]	6.10	HK 1 [2021-2022]	6.90	HK 1 [2022-2023]	5.90	HK 2 [2019-2020]	5.60	HK 1 [2022-2023]	7.30	HK 1 [2022-2023]	6.3
10	18033823	Đỗ Ngọc	Thiện	Nam	06/10/2000	DH18DN	6.00	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2021-2022]	4.70	HK 1 [2022-2023]	7.20	HK 1 [2022-2023]	7.00	HK 1 [2022-2023]	6.5
11	18033257	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	20/07/2000	DH18QS	6.80	HK 2 [2020-2021]	9.00	HK 3 [2020-2021]	9.20	HK 1 [2021-2022]	4.90	HK 2 [2021-2022]	5.50	HK 3 [2021-2022]	6.40	HK 1 [2022-2023]	7.0
12	18033204	Châu Thị Kiều	Oanh	Nữ	12/06/2000	DH18QS	6.70	HK 2 [2020-2021]	6.20	HK 3 [2019-2020]	4.60	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 3 [2020-2021]	6.00	HK 1 [2021-2022]	6.20	HK 1 [2022-2023]	6.1
13	19034299	Ngô Phương	Anh	Nữ	17/05/2001	DH19KC	8.60	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	6.70	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	7.50	HK 1 [2021-2022]	7.4
14	19034001	Trần Thị Kim	Anh	Nữ	21/09/2001	DH19KC	5.90	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	6.40	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	8.40	HK 1 [2021-2022]	7.0
15	19033987	Phạm Ngọc	Bích	Nữ	05/05/2001	DH19KC	7.10	HK 2 [2019-2020]	9.10	HK 1 [2022-2023]	7.30	HK 1 [2020-2021]	5.60	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	6.60	HK 1 [2021-2022]	7.1
16	19033686	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	06/10/2000	DH19KC	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.60	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2021-2022]	8.40	HK 2 [2020-2021]	5.90	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	7.9
17	19033952	Phan Thị Xuân	Diệu	Nữ	15/01/1983	DH19KC	7.00	HK 2 [2019-2020]	7.80	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	8.20	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2021-2022]	7.9

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
18	19033700	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	20/05/2001	DH19KC	8.20	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2019-2020]	5.00	HK 1 [2020-2021]	7.40	HK 2 [2020-2021]	6.90	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	6.9
19	19034132	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	07/09/2001	DH19KC	6.90	HK 2 [2019-2020]	6.40	HK 3 [2019-2020]	5.90	HK 1 [2020-2021]	6.50	HK 2 [2020-2021]	6.90	HK 3 [2020-2021]	8.50	HK 1 [2021-2022]	6.9
20	19034411	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	Nữ	31/08/2001	DH19KC	6.20	HK 2 [2019-2020]	6.60	HK 3 [2019-2020]	6.50	HK 1 [2020-2021]	5.90	HK 2 [2020-2021]	5.80	HK 3 [2020-2021]	7.90	HK 1 [2021-2022]	6.5
21	19034389	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	07/10/2001	DH19KC	7.60	HK 2 [2019-2020]	7.10	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	6.40	HK 2 [2020-2021]	6.40	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	6.9
22	19034678	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	24/07/2001	DH19KC	6.20	HK 2 [2019-2020]	7.40	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	7.80	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	7.4
23	19034493	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	09/02/2001	DH19KC	6.10	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	6.90	HK 1 [2020-2021]	6.00	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	6.9
24	19034081	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	05/10/2001	DH19KC	8.90	HK 2 [2019-2020]	9.30	HK 3 [2019-2020]	9.30	HK 1 [2020-2021]	9.00	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.8
25	19033679	Lê Thị Mỹ	Phụng	Nữ	07/04/2000	DH19KC	5.90	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	6.90	HK 1 [2020-2021]	7.60	HK 2 [2020-2021]	6.70	HK 3 [2020-2021]	5.10	HK 1 [2021-2022]	6.6
26	19034615	Võ Ngọc Hoàng	Quyên	Nữ	09/05/2001	DH19KC	7.60	HK 2 [2019-2020]	6.40	HK 3 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2020-2021]	7.60	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	7.50	HK 1 [2021-2022]	7.3
27	19034819	Mã Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/09/2001	DH19KC	7.70	HK 2 [2019-2020]	5.50	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	6.50	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.0
28	19033990	Mai Thị	Thảo	Nữ	22/07/2001	DH19KC	6.50	HK 2 [2019-2020]	7.80	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	6.30	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	7.3
29	19033944	Trần Minh	Thư	Nữ	11/06/2001	DH19KC	7.90	HK 2 [2019-2020]	6.70	HK 3 [2019-2020]	7.70	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	7.50	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	7.4
30	19034632	Phan Thị Mai	Thùy	Nữ	30/07/2001	DH19KC	7.10	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	5.80	HK 1 [2020-2021]	6.70	HK 2 [2020-2021]	6.50	HK 3 [2020-2021]	5.70	HK 1 [2021-2022]	6.5
31	19033701	Trịnh Thị Thu	Trang	Nữ	01/05/2001	DH19KC	8.70	HK 2 [2019-2020]	8.20	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	8.30	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.3
32	19034645	Lê Thị Khánh	Vy	Nữ	08/06/2001	DH19KC	7.10	HK 2 [2019-2020]	5.20	HK 3 [2019-2020]	5.60	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	6.6
33	19034656	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	26/09/1999	DH19KT	5.30	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	6.10	HK 1 [2020-2021]	6.40	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	6.6
34	19033933	Lê Trung	Hậu	Nam	23/09/2001	DH19KT	6.20	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2022-2023]	5.60	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	6.40	HK 3 [2020-2021]	5.70	HK 1 [2021-2022]	6.3
35	19034526	Lê Thị Mỹ	Luận	Nữ	19/02/2001	DH19KT	6.00	HK 2 [2019-2020]	5.10	HK 3 [2019-2020]	6.40	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	6.90	HK 3 [2020-2021]	6.80	HK 1 [2021-2022]	6.2
36	19034101	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	08/04/2001	DH19KT	5.90	HK 2 [2019-2020]	5.80	HK 3 [2019-2020]	5.90	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	7.20	HK 1 [2021-2022]	6.7
37	19034069	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	09/08/2000	DH19KT	6.00	HK 2 [2019-2020]	7.10	HK 3 [2019-2020]	6.10	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	6.9
38	19033946	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Nữ	02/02/2001	DH19KT	7.40	HK 2 [2019-2020]	7.90	HK 3 [2019-2020]	8.60	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 1 [2021-2022]	7.8
39	19034166	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	19/08/2001	DH19KT	6.00	HK 2 [2019-2020]	5.10	HK 3 [2019-2020]	5.30	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	6.50	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 1 [2021-2022]	6.1
40	19034417	Phạm Thị Anh	Thư	Nữ	03/06/2001	DH19KT	7.90	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2019-2020]	5.40	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2020-2021]	8.00	HK 3 [2020-2021]	7.90	HK 1 [2021-2022]	7.1

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
41	19034677	Trịnh Minh	Thuận	Nam	27/12/2001	DH19KT	6.60	HK 2 [2019-2020]	5.80	HK 3 [2019-2020]	6.40	HK 1 [2020-2021]	6.20	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	6.70	HK 1 [2021-2022]	6.5
42	18032924	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	08/07/2000	DH19KT	7.30	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	6.60	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	7.0
43	19034563	Hoàng Thị	Tươi	Nữ	02/12/2001	DH19KT	6.90	HK 2 [2019-2020]	7.40	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	7.50	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.2
44	19034694	Nguyễn Hoàng	Đức	Nam	24/10/2000	DH19LU	9.50	HK 2 [2020-2021]	9.50	HK 3 [2020-2021]	8.30	HK 1 [2020-2021]	8.40	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	9.30	HK 1 [2021-2022]	8.9
45	19034447	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	08/09/2001	DH19LU	9.50	HK 2 [2019-2020]	8.80	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	8.80	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.90	HK 1 [2021-2022]	8.8
46	19034558	Nguyễn Nhật Hải	Vi	Nữ	23/07/2001	DH19LU	7.50	HK 2 [2019-2020]	6.70	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.4

Khoa Kỹ thuật - Công nghệ

47	17032405	Vô Văn	Đạt	Nam	04/08/1999	DH17CO	7.30	HK 1 [2017-2018]	8.10	HK 1 [2022-2023]	7.40	HK 1 [2022-2023]	7.00	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 1 [2021-2022]	7.3
48	17032635	Nguyễn Đức	Thọ	Nam	09/01/1999	DH17DC	6.90	HK 1 [2017-2018]	6.90	HK 3 [2020-2021]	7.30	HK 1 [2021-2022]	8.10	HK 1 [2022-2023]	7.00	HK 1 [2021-2022]	6.40	HK 2 [2021-2022]	7.1
49	18034072	Đỗ Hoài	Nam	Nam	26/08/1999	DH18TD	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	5.40	HK 2 [2021-2022]	6.00	HK 3 [2021-2022]	5.30	HK 1 [2022-2023]	6.5
50	18033539	Bùi Đình	Phúc	Nam	28/07/2000	DH18TD	4.90	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	5.60	HK 2 [2021-2022]	6.20	HK 3 [2021-2022]	5.40	HK 1 [2022-2023]	6.2
51	19034522	Nguyễn Thế	Hiền	Nam	24/09/2001	DH19CK	5.70	HK 2 [2019-2020]	5.90	HK 3 [2019-2020]	6.40	HK 1 [2020-2021]	6.30	HK 2 [2020-2021]	6.70	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	6.4
52	19034074	Đình Văn	Hiếu	Nam	17/03/2001	DH19CK	6.70	HK 2 [2019-2020]	7.50	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	8.50	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	8.00	HK 1 [2022-2023]	7.7
53	19034208	Trần Đình	Nam	Nam	08/09/1998	DH19CK	5.00	HK 2 [2019-2020]	5.40	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	6.70	HK 1 [2021-2022]	6.3
54	18032963	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	13/08/1999	DH19CK	7.30	HK 2 [2018-2019]	7.90	HK 3 [2018-2019]	7.90	HK 1 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2022-2023]	8.70	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.7
55	19033830	Trần Quốc	Thắng	Nam	26/03/2001	DH19CK	7.20	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	6.70	HK 1 [2020-2021]	6.90	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	7.4
56	19034472	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam	01/01/2001	DH19CK	8.00	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	7.50	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 2 [2020-2021]	8.90	HK 3 [2020-2021]	5.70	HK 1 [2021-2022]	7.6
57	19034627	Vũ Hoàng Tuấn	Anh	Nam	13/08/2001	DH19CO	6.90	HK 2 [2019-2020]	6.30	HK 3 [2019-2020]	6.50	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	6.60	HK 1 [2021-2022]	7.1
58	19034743	Nguyễn Huy	Đức	Nam	17/03/2001	DH19CO	6.70	HK 2 [2021-2022]	6.80	HK 1 [2022-2023]	8.30	HK 1 [2021-2022]	5.30	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 1 [2021-2022]	6.9
59	19034111	Đoàn Hùng	Dũng	Nam	03/08/2001	DH19CO	5.30	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	6.70	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.0
60	19033806	Trương Trung	Hậu	Nam	12/12/2001	DH19CO	6.10	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	6.00	HK 1 [2020-2021]	5.60	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	7.30	HK 1 [2021-2022]	6.6
61	19034545	Nguyễn Lê Trung	Hiếu	Nam	04/02/2000	DH19CO	8.50	HK 2 [2021-2022]	6.80	HK 3 [2019-2020]	9.10	HK 1 [2021-2022]	8.10	HK 2 [2020-2021]	7.20	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	8.0
62	19034093	Phan Minh	Hiếu	Nam	09/03/2001	DH19CO	7.00	HK 2 [2021-2022]	7.00	HK 1 [2021-2022]	5.90	HK 1 [2020-2021]	5.20	HK 2 [2020-2021]	6.40	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	6.5

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
63	19033782	Nguyễn Hưng	Nam	27/03/2001	DH19CO	5.60	HK 2 [2019-2020]	7.40	HK 3 [2019-2020]	7.50	HK 1 [2020-2021]	5.70	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	7.90	HK 1 [2021-2022]	7.0	
64	19034484	Đinh Thế Luân	Nam	11/11/2001	DH19CO	6.80	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	7.40	HK 1 [2020-2021]	5.10	HK 2 [2020-2021]	6.50	HK 1 [2022-2023]	6.90	HK 1 [2022-2023]	6.5	
65	19033874	Hoàng Nguyễn Dương Nguyễn	Nam	26/03/2001	DH19CO	8.00	HK 2 [2019-2020]	6.00	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	7.00	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	7.30	HK 1 [2021-2022]	7.1	
66	19034013	Huỳnh Long Phước	Nam	17/02/2001	DH19CO	5.10	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	6.20	HK 1 [2020-2021]	6.70	HK 2 [2020-2021]	5.20	HK 3 [2020-2021]	6.00	HK 1 [2021-2022]	6.1	
67	19034642	Nguyễn Minh Trọng	Nam	19/10/2000	DH19CO	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	8.70	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2021-2022]	8.3	
68	19034796	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Nam	08/12/2000	DH19CO	5.50	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2022-2023]	5.50	HK 1 [2020-2021]	5.10	HK 2 [2020-2021]	6.00	HK 1 [2021-2022]	6.20	HK 2 [2021-2022]	6.1	
69	19034651	Hoàng Thanh Hải	Nam	27/11/2001	DH19CT	8.70	HK 2 [2019-2020]	8.70	HK 3 [2019-2020]	7.60	HK 1 [2020-2021]	7.50	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	8.0	
70	19034314	Vũ Ngọc Hải	Nam	01/08/2000	DH19CT	6.30	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	6.10	HK 1 [2021-2022]	5.10	HK 2 [2021-2022]	6.20	HK 3 [2021-2022]	6.20	HK 1 [2022-2023]	6.3	
71	19033859	Nguyễn Văn Thế Hùng	Nam	21/03/2001	DH19CT	6.50	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	7.80	HK 1 [2021-2022]	5.10	HK 2 [2021-2022]	6.90	HK 3 [2021-2022]	7.50	HK 1 [2022-2023]	6.9	
72	19034103	Lê Nguyễn Đăng Khoa	Nam	28/08/2001	DH19CT	8.10	HK 2 [2019-2020]	7.40	HK 3 [2019-2020]	8.80	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2021-2022]	8.1	
73	19034195	Phạm Trọng Khương	Nam	01/08/2001	DH19CT	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	8.50	HK 1 [2020-2021]	8.40	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2021-2022]	8.1	
74	19034192	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nam	23/04/2001	DH19CT	8.90	HK 2 [2020-2021]	8.80	HK 1 [2021-2022]	8.30	HK 1 [2021-2022]	7.30	HK 2 [2021-2022]	8.30	HK 3 [2021-2022]	8.60	HK 1 [2022-2023]	8.4	
75	19034008	Nguyễn Minh Luân	Nam	04/09/1999	DH19CT	8.10	HK 2 [2019-2020]	7.90	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	8.1	
76	19034756	Văn Thị Thanh Ngọc	Nữ	11/12/2001	DH19CT	7.40	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	6.00	HK 2 [2020-2021]	6.90	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	7.2	
77	19034689	Nguyễn Đình Nhật	Nam	20/10/2001	DH19CT	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	7.30	HK 1 [2020-2021]	6.40	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	7.4	
78	19034516	Phạm Hồ Bình Phú	Nam	17/02/2001	DH19CT	8.40	HK 3 [2019-2020]	5.80	HK 1 [2020-2021]	7.00	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	6.70	HK 1 [2021-2022]	6.80	HK 2 [2021-2022]	7.1	
79	19034049	Nguyễn Duy Phương	Nam	15/12/2000	DH19CT	7.50	HK 2 [2019-2020]	6.00	HK 3 [2019-2020]	6.60	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	8.40	HK 1 [2021-2022]	7.1	
80	19034628	Lưu Thiên Hạng Trang	Nữ	12/08/2001	DH19CT	8.00	HK 2 [2019-2020]	8.70	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	8.00	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.2	
81	19034395	Đào Văn Sơn Tùng	Nam	24/11/2001	DH19CT	7.90	HK 2 [2019-2020]	8.20	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.20	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	7.7	
82	19034666	Nguyễn Đức Gia Bảo	Nam	29/03/2001	DH19DC	5.90	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	6.40	HK 1 [2020-2021]	6.30	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2022-2023]	6.80	HK 1 [2021-2022]	6.8	
83	19034248	Lý Văn Đức	Nam	13/03/2001	DH19DC	5.60	HK 2 [2019-2020]	6.10	HK 3 [2019-2020]	7.90	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	8.50	HK 3 [2020-2021]	6.60	HK 1 [2021-2022]	6.9	
84	19034034	Lý Thanh Hải	Nam	06/10/2001	DH19DC	6.00	HK 3 [2019-2020]	7.30	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	6.70	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 3 [2021-2022]	6.20	HK 1 [2022-2023]	6.7	
85	19033961	Trần Đức Huy	Nam	24/04/2001	DH19DC	7.20	HK 2 [2019-2020]	6.60	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	6.60	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 1 [2021-2022]	7.0	

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
86	19033872	Huỳnh Minh	Luân	Nam	25/10/2001	DH19DC	8.30	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	8.80	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2021-2022]	6.30	HK 1 [2022-2023]	8.1
87	19033797	Lê Hùng	Minh	Nam	20/01/2001	DH19DC	6.60	HK 3 [2019-2020]	7.30	HK 1 [2020-2021]	7.90	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	7.20	HK 3 [2021-2022]	6.70	HK 1 [2022-2023]	7.2
88	19034648	Hoàng Minh	Nhật	Nam	01/01/2001	DH19DC	5.50	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	7.80	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.4
89	19034386	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	27/07/2001	DH19DC	6.30	HK 2 [2019-2020]	6.30	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	6.9
90	19033887	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	22/08/1994	DH19DC	8.90	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	9.10	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	8.2
91	19030006	Nguyễn Đoàn	Vinh	Nam	28/01/2000	DH19DC	8.40	HK 3 [2019-2020]	9.30	HK 1 [2020-2021]	9.00	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.50	HK 1 [2021-2022]	8.90	HK 2 [2021-2022]	8.7
92	19034490	Lê Quang	Duy	Nam	26/05/2001	DH19LT	9.00	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 3 [2019-2020]	6.10	HK 1 [2020-2021]	6.90	HK 2 [2020-2021]	6.20	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.5
93	16031519	Ngô Minh	Thống	Nam	26/12/1993	DH19LT	8.00	HK 2 [2016-2017]	7.40	HK 2 [2021-2022]	7.40	HK 1 [2021-2022]	5.50	HK 3 [2021-2022]	6.10	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2021-2022]	6.8
94	19033948	Nguyễn Tấn	Tiến	Nam	17/10/2000	DH19LT	6.30	HK 2 [2019-2020]	9.10	HK 2 [2021-2022]	6.80	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2020-2021]	6.00	HK 3 [2020-2021]	6.60	HK 1 [2021-2022]	6.8
95	19034478	Trần Minh	Tuấn	Nam	18/04/2001	DH19LT	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.30	HK 3 [2019-2020]	7.70	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	7.80	HK 1 [2021-2022]	7.5
96	19033832	Hồ Trọng	Vinh	Nam	12/03/2001	DH19LT	7.90	HK 2 [2019-2020]	9.40	HK 3 [2019-2020]	9.40	HK 1 [2020-2021]	8.90	HK 2 [2020-2021]	8.80	HK 3 [2020-2021]	9.10	HK 1 [2021-2022]	8.9
97	19034591	Nguyễn Ngọc	An	Nam	10/10/2001	DH19TD	6.90	HK 2 [2019-2020]	5.80	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 3 [2021-2022]	6.20	HK 3 [2021-2022]	6.5
98	19034250	Nguyễn Quốc	Bình	Nam	21/08/2001	DH19TD	7.40	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.6
99	19034209	Vương Công	Chiến	Nam	01/12/2001	DH19TD	7.00	HK 2 [2019-2020]	5.70	HK 3 [2019-2020]	6.10	HK 1 [2020-2021]	6.50	HK 2 [2020-2021]	6.00	HK 3 [2020-2021]	6.70	HK 1 [2021-2022]	6.3
100	19030015	Nguyễn Việt	Định	Nam	16/09/1998	DH19TD	8.30	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	7.70	HK 1 [2020-2021]	7.60	HK 2 [2020-2021]	6.40	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	7.6
101	19034780	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	14/07/1998	DH19TD	7.90	HK 2 [2019-2020]	8.80	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	8.40	HK 1 [2021-2022]	8.0
102	19034840	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	01/10/1999	DH19TD	9.30	HK 2 [2019-2020]	8.60	HK 3 [2019-2020]	8.80	HK 1 [2020-2021]	9.00	HK 2 [2020-2021]	8.50	HK 3 [2020-2021]	8.90	HK 1 [2021-2022]	8.9
103	19034443	Trịnh Quang	Linh	Nam	01/01/2001	DH19TD	6.10	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2019-2020]	5.50	HK 1 [2020-2021]	5.50	HK 2 [2020-2021]	6.60	HK 3 [2020-2021]	8.30	HK 1 [2021-2022]	6.4
104	19034634	Dương Văn	Mạnh	Nam	29/11/2001	DH19TD	6.40	HK 2 [2019-2020]	6.00	HK 3 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2020-2021]	5.80	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	7.20	HK 1 [2021-2022]	6.6
105	19033932	Trần Tuấn	Minh	Nam	24/10/2001	DH19TD	8.50	HK 2 [2019-2020]	8.40	HK 3 [2019-2020]	8.50	HK 1 [2020-2021]	8.50	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	8.2
106	19034229	Mạch Thanh	Phong	Nam	12/03/2001	DH19TD	5.00	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	6.60	HK 3 [2021-2022]	7.00	HK 3 [2021-2022]	6.3
107	19034057	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	06/06/2001	DH19TD	7.70	HK 2 [2019-2020]	7.60	HK 3 [2019-2020]	7.50	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.8
108	19034375	Nguyễn Trần Xuân	Thịnh	Nam	04/10/2000	DH19TD	7.10	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	6.60	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	6.80	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	6.8

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
109	19034176	Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	14/10/2001	DH19TD	5.50	HK 3 [2019-2020]	7.30	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	6.70	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2021-2022]	7.40	HK 3 [2021-2022]	7.1
110	19033788	Ngô Minh	Tuấn	Nam	15/11/2001	DH19TD	7.00	HK 2 [2019-2020]	8.20	HK 3 [2019-2020]	8.70	HK 1 [2020-2021]	7.90	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	8.30	HK 1 [2021-2022]	8.0
111	19033976	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	13/08/2000	DH19TP	8.40	HK 2 [2019-2020]	7.30	HK 3 [2019-2020]	6.60	HK 1 [2020-2021]	5.80	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	6.70	HK 1 [2021-2022]	7.1
112	19034594	Trần Thị Diệu	My	Nữ	18/07/2000	DH19TP	9.30	HK 2 [2019-2020]	9.00	HK 3 [2019-2020]	9.10	HK 1 [2020-2021]	8.30	HK 2 [2020-2021]	9.30	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.9
113	19033969	Ngô Thị Ngọc	Nhi	Nữ	22/07/2000	DH19TP	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.80	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	7.80	HK 1 [2021-2022]	7.7
114	19033828	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	Nữ	23/04/1995	DH19TP	8.70	HK 2 [2019-2020]	7.50	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	7.40	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	7.30	HK 1 [2021-2022]	7.7
115	19034387	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	24/03/2001	DH19TP	8.70	HK 2 [2019-2020]	8.60	HK 3 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2020-2021]	8.80	HK 2 [2020-2021]	9.30	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	8.6
116	19034084	Nguyễn Văn	Ánh	Nam	27/01/2001	DH19XD	7.40	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2022-2023]	6.90	HK 1 [2020-2021]	5.30	HK 2 [2020-2021]	6.20	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 1 [2021-2022]	6.7
117	19034282	Trần Tiến	Dũng	Nam	11/10/2001	DH19XD	7.40	HK 2 [2019-2020]	6.30	HK 3 [2019-2020]	6.40	HK 1 [2020-2021]	7.00	HK 2 [2020-2021]	6.80	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	6.9
118	19034590	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	10/01/1999	DH19XD	5.30	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	7.20	HK 1 [2021-2022]	7.2
119	19034131	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	24/12/2001	DH19XD	8.10	HK 2 [2019-2020]	5.70	HK 3 [2019-2020]	6.20	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	6.9
120	19034400	Vũ Phạm	Hùng	Nam	03/09/2000	DH19XD	6.60	HK 2 [2019-2020]	5.90	HK 3 [2019-2020]	5.40	HK 1 [2020-2021]	5.80	HK 1 [2022-2023]	6.60	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	6.4
121	19033959	Nguyễn Trịnh Vũ	Kha	Nam	19/01/1996	DH19XD	7.80	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	6.70	HK 2 [2020-2021]	8.00	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 1 [2021-2022]	7.1
122	19033743	Đoàn Duy	Khang	Nam	11/05/2001	DH19XD	7.80	HK 2 [2019-2020]	5.20	HK 3 [2019-2020]	5.30	HK 1 [2020-2021]	5.50	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	6.90	HK 1 [2021-2022]	6.3
123	19030014	Nguyễn Văn	Ly	Nam	30/10/1996	DH19XD	6.50	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	6.10	HK 1 [2020-2021]	5.50	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	7.10	HK 1 [2021-2022]	6.6
124	18034053	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	24/03/1994	DH19XD	5.90	HK 2 [2019-2020]	6.00	HK 1 [2022-2023]	7.40	HK 1 [2021-2022]	5.90	HK 2 [2020-2021]	6.80	HK 3 [2020-2021]	6.10	HK 1 [2021-2022]	6.4

Khoa Ngoại ngữ và Khoa học xã hội

125	18033035	Nguyễn Lê Trường	Thành	Nam	29/08/2000	DH18NB1	8.50	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2021-2022]	6.80	HK 3 [2021-2022]	5.90	HK 1 [2022-2023]	7.1
126	19033992	Trương Anh	Đài	Nữ	18/09/2001	DH19HQ1	6.80	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	7.40	HK 1 [2021-2022]	5.60	HK 2 [2021-2022]	5.40	HK 3 [2021-2022]	5.80	HK 3 [2021-2022]	6.3
127	19034066	Nguyễn Ngọc	Lung	Nữ	24/05/2001	DH19HQ1	8.70	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	8.60	HK 2 [2020-2021]	8.50	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.8
128	19034764	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	05/05/2001	DH19HQ1	6.90	HK 2 [2019-2020]	5.80	HK 3 [2019-2020]	5.10	HK 1 [2020-2021]	6.00	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	6.5
129	19033678	Nguyễn Thuý	Hiền	Nữ	22/07/2000	DH19HQ1	9.10	HK 2 [2019-2020]	8.80	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	8.60	HK 2 [2020-2021]	8.80	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.6
130	19034448	Võ Ngọc	Hương	Nữ	21/03/2001	DH19HQ1	7.40	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	8.00	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 2 [2021-2022]	7.90	HK 3 [2021-2022]	8.10	HK 3 [2021-2022]	7.5
131	19034476	Dương Quỳnh	Mai	Nữ	23/01/2001	DH19HQ1	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.90	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	9.10	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.3

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
132	19034024	Vũ Thị Ngọc	Mai	Nữ	06/02/2001	DH19HQ1	7.40	HK 2 [2019-2020]	7.30	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.2
133	19034394	Lê Thảo	Nguyễn	Nữ	05/02/1999	DH19HQ1	8.60	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 3 [2019-2020]	7.80	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 2 [2020-2021]	9.00	HK 3 [2020-2021]	7.80	HK 1 [2021-2022]	8.2
134	19034803	Hoàng Phạm Yến	Nhi	Nữ	13/07/2001	DH19HQ1	8.00	HK 2 [2019-2020]	7.10	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	7.80	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	7.80	HK 1 [2021-2022]	7.6
135	19030004	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	07/04/2000	DH19HQ1	8.40	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	7.00	HK 1 [2020-2021]	6.30	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	7.90	HK 1 [2021-2022]	7.4
136	19034397	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	Nữ	02/01/2001	DH19HQ1	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 3 [2019-2020]	7.60	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.8
137	19033749	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	05/10/2001	DH19HQ1	7.80	HK 2 [2019-2020]	5.90	HK 3 [2019-2020]	6.30	HK 1 [2020-2021]	7.40	HK 2 [2020-2021]	7.20	HK 3 [2020-2021]	7.50	HK 1 [2021-2022]	7.0
138	19034137	Hoàng Mộng Tuyết	Sương	Nữ	26/12/2001	DH19HQ1	8.50	HK 2 [2019-2020]	6.60	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	6.20	HK 1 [2021-2022]	7.2
139	19033675	Dương Thị Minh	Tâm	Nữ	15/10/1997	DH19HQ1	8.00	HK 2 [2020-2021]	7.50	HK 3 [2020-2021]	8.90	HK 1 [2021-2022]	5.70	HK 2 [2021-2022]	6.40	HK 3 [2021-2022]	7.40	HK 3 [2021-2022]	7.3
140	19034630	Lê Minh	Trí	Nam	28/02/2001	DH19HQ1	6.20	HK 2 [2019-2020]	6.20	HK 3 [2020-2021]	6.80	HK 1 [2021-2022]	5.60	HK 2 [2021-2022]	6.50	HK 3 [2021-2022]	6.60	HK 3 [2021-2022]	6.3
141	19034596	Mai Thảo	Vy	Nữ	03/07/2001	DH19HQ1	6.00	HK 2 [2019-2020]	5.50	HK 3 [2019-2020]	5.90	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	7.50	HK 3 [2020-2021]	7.50	HK 1 [2021-2022]	6.6
142	19033900	Nguyễn Thị Hải	Anh	Nữ	01/07/2000	DH19NB1	8.50	HK 2 [2019-2020]	6.30	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	7.50	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	6.40	HK 1 [2021-2022]	7.2
143	19033926	Phạm Thu	Hà	Nữ	15/09/2001	DH19NB1	7.90	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2020-2021]	8.90	HK 3 [2020-2021]	7.90	HK 1 [2021-2022]	7.9
144	19033822	Nguyễn Ngọc Duy	Khang	Nam	16/06/2001	DH19NB1	9.80	HK 2 [2019-2020]	9.30	HK 3 [2019-2020]	9.30	HK 1 [2020-2021]	9.30	HK 2 [2020-2021]	9.50	HK 3 [2020-2021]	9.00	HK 1 [2021-2022]	9.4
145	19033845	Hoàng Đức	Mỹ	Nam	08/01/2001	DH19NB1	5.80	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2021-2022]	6.70	HK 2 [2021-2022]	7.70	HK 3 [2021-2022]	6.80	HK 1 [2022-2023]	7.0
146	19033991	Nguyễn Hoàng Thanh	Nga	Nữ	30/08/2001	DH19NB1	6.10	HK 2 [2019-2020]	8.20	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	6.60	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.3
147	19033892	Đặng Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/02/2001	DH19NB1	7.90	HK 2 [2019-2020]	6.60	HK 3 [2019-2020]	7.40	HK 1 [2020-2021]	5.90	HK 2 [2020-2021]	8.30	HK 3 [2020-2021]	9.00	HK 1 [2021-2022]	7.5
148	19033897	Hứa Thảo	Nhi	Nữ	05/07/2001	DH19NB1	7.00	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	7.70	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	7.80	HK 3 [2020-2021]	7.00	HK 1 [2021-2022]	7.2
149	18033336	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	08/08/2000	DH19NB1	8.90	HK 2 [2018-2019]	8.30	HK 3 [2018-2019]	7.60	HK 1 [2019-2020]	8.30	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.3
150	19033831	Ngô Thị	Quỳnh	Nữ	06/02/2001	DH19NB1	6.70	HK 2 [2019-2020]	7.50	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2020-2021]	7.30	HK 3 [2020-2021]	6.20	HK 1 [2021-2022]	7.2
151	19030012	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	21/05/1996	DH19NB1	8.40	HK 2 [2019-2020]	8.50	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	8.40	HK 1 [2021-2022]	8.4
152	19034106	Trương Thị Bích	Thúy	Nữ	08/04/2000	DH19NB1	7.80	HK 2 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2021-2022]	6.10	HK 1 [2020-2021]	6.30	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.3
153	19034019	Vũ Đình Thùy	Trang	Nữ	18/06/2001	DH19NB1	7.60	HK 2 [2019-2020]	8.70	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	7.70	HK 3 [2020-2021]	6.40	HK 1 [2021-2022]	6.70	HK 2 [2021-2022]	7.5
154	19033995	Lê Hoàng Mỹ	Tuyết	Nữ	12/07/2001	DH19NB1	8.50	HK 2 [2019-2020]	8.90	HK 3 [2019-2020]	9.00	HK 1 [2020-2021]	8.20	HK 2 [2020-2021]	8.90	HK 3 [2020-2021]	8.40	HK 1 [2021-2022]	8.7

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
155	19034320	Ngô Thị Kim	Anh	Nữ	22/02/2001	DH19NB2	6.90	HK 2 [2019-2020]	6.70	HK 3 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	6.40	HK 1 [2021-2022]	7.1
156	19034441	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	09/09/2001	DH19NB2	7.30	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.30	HK 1 [2021-2022]	8.0
157	19034398	Tạ Thị Nguyệt	Ánh	Nữ	06/05/2001	DH19NB2	6.20	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 1 [2021-2022]	7.10	HK 2 [2021-2022]	7.00	HK 3 [2021-2022]	6.30	HK 1 [2022-2023]	6.90	HK 1 [2022-2023]	6.8
158	19034741	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02/08/1999	DH19NB2	8.20	HK 2 [2019-2020]	7.50	HK 3 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2020-2021]	5.80	HK 2 [2020-2021]	7.10	HK 3 [2020-2021]	8.50	HK 1 [2021-2022]	7.5
159	19034494	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	28/04/2001	DH19NB2	5.30	HK 2 [2019-2020]	6.70	HK 3 [2019-2020]	6.90	HK 1 [2020-2021]	6.60	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	6.9
160	19034223	Nguyễn Đức	Chung	Nam	28/11/2001	DH19NB2	5.80	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2021-2022]	5.80	HK 2 [2021-2022]	6.00	HK 3 [2021-2022]	5.80	HK 1 [2022-2023]	5.80	HK 1 [2022-2023]	6.3
161	19034691	Hoàng Ngọc	Đang	Nam	10/12/2000	DH19NB2	6.70	HK 2 [2019-2020]	6.80	HK 3 [2019-2020]	6.80	HK 1 [2020-2021]	6.10	HK 2 [2020-2021]	7.40	HK 3 [2020-2021]	7.20	HK 1 [2022-2023]	6.8
162	19034454	Vô Thị Cẩm	Giang	Nữ	28/01/2001	DH19NB2	5.80	HK 2 [2019-2020]	6.50	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	8.00	HK 3 [2020-2021]	7.50	HK 1 [2021-2022]	7.0
163	19034392	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	23/04/2001	DH19NB2	7.50	HK 2 [2019-2020]	6.30	HK 3 [2019-2020]	6.60	HK 1 [2020-2021]	7.00	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.2
164	19034641	Văn Thoại	Huê	Nữ	26/07/1999	DH19NB2	8.60	HK 2 [2019-2020]	8.70	HK 3 [2019-2020]	9.30	HK 1 [2020-2021]	8.80	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.7
165	19033825	Vũ Thị Trúc	Huyền	Nữ	29/12/2000	DH19NB2	7.00	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2021-2022]	6.50	HK 2 [2021-2022]	7.00	HK 3 [2021-2022]	7.40	HK 1 [2022-2023]	7.10	HK 1 [2022-2023]	7.2
166	18033453	Nguyễn Thị Ánh	Linh	Nữ	06/06/2000	DH19NB2	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	8.00	HK 1 [2020-2021]	7.10	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	8.1
167	18033454	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	06/06/2000	DH19NB2	7.70	HK 2 [2019-2020]	8.40	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	8.3
168	19034551	Trần Lý Bảo	Nhi	Nữ	28/11/2001	DH19NB2	9.40	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 3 [2019-2020]	9.40	HK 1 [2020-2021]	9.00	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	8.8
169	19034164	Nguyễn Thanh	Như	Nữ	10/12/2001	DH19NB2	6.00	HK 2 [2019-2020]	8.10	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	6.80	HK 2 [2020-2021]	9.30	HK 3 [2020-2021]	9.10	HK 1 [2021-2022]	7.9
170	19034234	Vũ Thị Kim	Oanh	Nữ	23/06/1999	DH19NB2	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.50	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	7.20	HK 2 [2020-2021]	9.40	HK 3 [2020-2021]	9.80	HK 1 [2021-2022]	8.5
171	19034413	Nguyễn Thị Thu	Quý	Nữ	19/05/2000	DH19NB2	8.70	HK 2 [2019-2020]	7.60	HK 3 [2019-2020]	6.90	HK 1 [2020-2021]	7.70	HK 2 [2020-2021]	8.50	HK 3 [2020-2021]	9.20	HK 1 [2021-2022]	8.1
172	19034205	Bùi Nguyễn Nhã	Quyên	Nữ	24/10/2001	DH19NB2	8.50	HK 2 [2019-2020]	9.00	HK 3 [2019-2020]	8.90	HK 1 [2020-2021]	8.10	HK 2 [2020-2021]	8.00	HK 3 [2020-2021]	8.10	HK 1 [2021-2022]	8.4
173	19034475	Trần Ngọc Thảo	Quỳnh	Nữ	29/06/2001	DH19NB2	8.90	HK 2 [2019-2020]	8.60	HK 3 [2019-2020]	8.60	HK 1 [2020-2021]	6.50	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	8.3
174	19034274	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	27/03/2001	DH19NB2	8.90	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 3 [2019-2020]	7.90	HK 1 [2020-2021]	8.20	HK 2 [2020-2021]	7.60	HK 3 [2020-2021]	7.70	HK 1 [2021-2022]	8.1
175	19034399	Lê Lưu Thanh	Thùy	Nữ	07/09/2001	DH19NB2	8.80	HK 2 [2019-2020]	8.00	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	8.30	HK 2 [2020-2021]	7.90	HK 3 [2020-2021]	6.50	HK 3 [2021-2022]	8.0
176	19034672	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	08/10/2001	DH19NB2	8.90	HK 2 [2019-2020]	7.40	HK 3 [2019-2020]	8.50	HK 1 [2020-2021]	7.90	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	9.30	HK 1 [2021-2022]	8.4
177	19034201	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	Nữ	20/09/2000	DH19NB2	5.20	HK 2 [2019-2020]	6.40	HK 3 [2019-2020]	8.10	HK 1 [2020-2021]	6.50	HK 2 [2020-2021]	7.50	HK 3 [2020-2021]	8.20	HK 1 [2021-2022]	7.0

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Tiếng Anh 1		Tiếng Anh 2		Tiếng Anh 3		Tiếng Anh 4		Tiếng Anh 5		Tiếng Anh 6		Điểm Trung bình
							Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	Điểm	Đợt thi	
178	19034557	Nguyễn Thị Mai	Trình	Nữ	20/04/2001	DH19NB2	6.30	HK 2 [2019-2020]	7.50	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	7.60	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.90	HK 1 [2021-2022]	7.8
179	19034754	Lê Thị	Bông	Nữ	20/11/2001	DH19TQ	8.30	HK 2 [2019-2020]	8.40	HK 3 [2019-2020]	8.40	HK 1 [2020-2021]	7.80	HK 2 [2020-2021]	8.80	HK 3 [2020-2021]	8.70	HK 1 [2021-2022]	8.4
180	19033893	Nguyễn Hồng	Đào	Nữ	19/12/2001	DH19TQ	7.90	HK 2 [2019-2020]	6.90	HK 3 [2019-2020]	7.10	HK 1 [2020-2021]	7.60	HK 2 [2020-2021]	8.40	HK 3 [2020-2021]	8.80	HK 1 [2021-2022]	7.8
181	19034468	Trương Thị Ngọc	Hà	Nữ	28/10/2001	DH19TQ	7.90	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	8.30	HK 2 [2020-2021]	8.10	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	8.1
182	18034008	Dương Thị Kim	Hoa	Nữ	15/11/2000	DH19TQ	8.80	HK 2 [2019-2020]	7.60	HK 3 [2019-2020]	7.60	HK 1 [2020-2021]	7.90	HK 2 [2020-2021]	7.00	HK 3 [2020-2021]	8.30	HK 1 [2021-2022]	7.9
183	19034077	Khổng Thị Trà	My	Nữ	23/07/2001	DH19TQ	7.20	HK 2 [2019-2020]	7.00	HK 3 [2019-2020]	8.50	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 2 [2020-2021]	8.60	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.8
184	19034820	Phùng Gia	Năng	Nam	01/03/2001	DH19TQ	8.20	HK 2 [2019-2020]	8.30	HK 3 [2019-2020]	8.20	HK 1 [2020-2021]	8.00	HK 2 [2020-2021]	9.10	HK 3 [2020-2021]	8.60	HK 1 [2021-2022]	8.4
185	19034055	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	24/08/2000	DH19TQ	7.00	HK 2 [2019-2020]	6.10	HK 3 [2019-2020]	7.50	HK 1 [2020-2021]	7.80	HK 2 [2020-2021]	6.10	HK 3 [2020-2021]	6.80	HK 1 [2021-2022]	6.9
186	19034461	Nguyễn Thị Thanh	Tiên	Nữ	14/04/2001	DH19TQ	7.10	HK 2 [2019-2020]	7.20	HK 3 [2019-2020]	7.90	HK 1 [2020-2021]	7.30	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	7.60	HK 1 [2021-2022]	7.6
187	19034462	Nguyễn Hoàng Xuân	Trình	Nữ	22/03/2001	DH19TQ	7.90	HK 2 [2019-2020]	7.70	HK 3 [2019-2020]	8.30	HK 1 [2020-2021]	6.90	HK 2 [2020-2021]	8.20	HK 3 [2020-2021]	8.50	HK 1 [2021-2022]	7.9

Tổng số: 187 thí sinh được cấp chứng nhận.